

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11/02/2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơ.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2021 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố H, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố H, Kiên Giang. Tạm trú: khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 07 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông và bà Huỳnh Ngọc A chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/9/2006. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bà A không lo làm ăn mà đi cờ bạc gây nợ nần nhiều lần, ông nhiều lần trả nợ cho bà A và khuyên nhủ nhưng bà A không thay đổi. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với bà A.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh H, giới tính nữ, sinh ngày 03/12/1995 (đã trưởng thành); Nguyễn Huỳnh Ph, giới tính nam, sinh ngày 30/9/2003 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc A trình bày: Bà và ông T kết hôn vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình là do ông T có người phụ nữ khác nên về đánh đập bà, sau này dọn về chung sống với người phụ nữ đó. Ông T nói bà cờ bạc gây nợ nần là không có. Do ông T đánh đập bà nhiều lần, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa nên bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh H, giới tính nữ, sinh ngày 03/12/1995 (đã trưởng thành); Nguyễn Huỳnh Ph, giới tính nam, sinh ngày 30/9/2003 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng các Điều 19, 55, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị công việc thuận tình ly hôn giữa ông T với bà A. Về con chung: có 02 người nhưng đã trưởng thành nên không phải giao cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không phải xem xét. Về án phí: buộc ông T chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Huỳnh Ngọc A có hộ khẩu thường trú tại khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Ngọc A chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn, được UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/9/2006. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông T, bà A đều xác nhận quan hệ hôn

nhân của ông bà đã rạn nứt, không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Ông T khai mâu thuẫn vợ chồng là do bà A cờ bạc gây nợ nần nhiều lần, bà A khai mâu thuẫn vợ chồng từ việc ông T có quan hệ với người phụ nữ khác về đánh đập bà và dọn về chung sống với người phụ nữ đó. Theo kết quả xác minh tại khu phố B, phường Đ nơi bà A tạm trú như sau: Ông T đi biển về thì có ghé nhà một người phụ nữ không biết tên (ở trọ tại khu phố B) ở vài ngày thì đi ghe biển tiếp. Trước đây khi bà A còn ở khu phố B, phường Đ, bà A có đánh nhau, cãi nhau với ông T và người phụ nữ đó, ông T có đánh bà A nhưng được can ngăn nên không có thương tích gì, việc bà A nói ông T có quan hệ với người phụ nữ khác thì địa phương không rõ, bà A, ông T cùng với người phụ nữ đó thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi nhau gây rối trật tự địa phương. Tại địa phương không thấy bà A cờ bạc gì, bà A chủ yếu làm thuê và bán vé số. Xét thấy hôn nhân của ông T, bà A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông T, bà A đều thống nhất ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nghị cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh T với bà Huỳnh Ngọc A.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh H, giới tính nữ, sinh ngày 03/12/1995; Nguyễn Huỳnh Ph, giới tính nam, sinh ngày 30/9/2003. Cả 02 đứa con chung đều trưởng thành và có khả năng lao động nên không phải xem xét giải quyết chia giao cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông T khởi kiện nên phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh T với bà Huỳnh Ngọc A.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí

mà ông T đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0000281 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay ông T không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- UBND xã V, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành